

Số: 460/SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 23 tháng 8 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Tên viết tắt: TỔNG CÔNG TY SONADEZI
- Mã chứng khoán: SNZ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 8860561 Fax: (0251) 8860573
- Người thực hiện công bố thông tin: ông Phạm Trần Hòa Hiệp – Người CBTT
- Loại thông tin công bố:
 định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Sonadezi công bố thông tin Quyết định của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi vào ngày 23/8/2018 tại đường dẫn: <http://news.sonadezi.com.vn/fpt.php>.

Tài liệu đính kèm: Quyết định số 154/QĐ-SNZ-QTTH ngày 22/8/2018; Quy chế Công bố thông tin.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Phạm Trần Hòa Hiệp

Số: 154 /QĐ-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 22 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị số 443./SNZ-QTTH ngày 15/8/2018

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin” của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

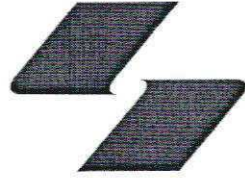
Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Ban, Chánh Văn phòng, các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *ve*
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Thu Hằng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP**



SONADEZI

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tháng 8 năm 2018





QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 154 /SNZ-QĐ-QTTH
ngày 22 /8/2018 của Hội đồng quản trị)

SỐ
T
C
PH
KHU

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin	7
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ.....	7
Điều 8. Công bố thông tin bất thường 24 giờ	9
Điều 9. Công bố thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.....	12
Điều 10. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.....	13
Điều 11. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác.....	13
Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	13
Điều 13. Thông tin về chào mua công khai	14
Điều 14. Thông tin về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ	14
CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	15
Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.....	15
Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty	15
CHƯƠNG IV. PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	17
Điều 17. Phân công, phối hợp công bố thông tin định kỳ	17
Điều 18. Phân công, phối hợp công bố thông tin bất thường 24 giờ và các trường hợp đặc biệt khác.	17
Điều 19. Ban Quản trị Tổng hợp chịu trách nhiệm xử lý và công bố các thông tin:.....	17
Điều 20. Phân công, phối hợp công bố thông tin theo yêu cầu.	18
Điều 21. Công bố thông tin Tổng công ty tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức thuộc diện phải công bố thông tin.....	18
Điều 22. Trách nhiệm của người phụ trách công bố thông tin.	18
CHƯƠNG V. XỬ LÝ VI PHẠM.....	19
Điều 23. Xử lý vi phạm.....	19
CHƯƠNG VI. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	19
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung.....	19
Điều 25. Hiệu lực thi hành.....	19

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trên thị trường chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

- Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;
- Người nội bộ của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;
- Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. UBCKNN là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. SGDCCK là chữ viết tắt của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
3. Tổng công ty hoặc Tổng công ty Sonadezi là Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.
4. HĐQT là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị.
5. Người nội bộ của Tổng công ty là: Thành viên HĐQT; thành viên Ban Kiểm soát; thành viên Ban Kiểm toán nội bộ; Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc; Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh; Kế toán trưởng; Người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty;
 - Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng công ty;
 - Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng công ty;
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Tổng công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.
7. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - 7.1. Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên 10% số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

600
ÔNG
HÀ
TR
NG

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Công ty mẹ, công ty con;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

7.2. Người có liên quan theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Tổng công ty thông qua cơ quan quản lý Tổng công ty;

d) Người quản lý Tổng công ty;

d) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Tổng công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Tổng công ty.

8. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

9. Sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty đã phát hành trừ đi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết được Tổng công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

10. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

11. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.

12. Nghị định 58/2012/NĐ-CP là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

13. Nghị định 60/2015/NĐ-CP là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

14. Thông tư 123/2015/TT-BTC là Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

15. Thông tư 155/2015/TT-BTC là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

16. Thông tư 162/2015/TT-BTC là Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

17. Quy chế 606 là Quy chế công bố thông tin tại SGDCK được ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng giám đốc SGDCK.

18. Website là trang thông tin điện tử.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, tổ chức, cá nhân công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, tổ chức, cá nhân công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN hoặc SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các tổ chức, cá nhân khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các chủ thể liên quan không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên website của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên website của Tổng công ty tối thiểu 05 năm.

c) Ban Quản trị Tổng hợp phải lưu giữ các thông tin công bố định kỳ, thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu dưới dạng văn bản theo quy định lưu trữ hồ sơ của Tổng công ty. Việc huỷ thông tin trên website của Tổng công ty không đồng nhất với việc huỷ thông tin gốc.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin.

a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc được ủy quyền sẽ công bố thông tin;

b) Trưởng Ban Quản trị Tổng hợp của Tổng công ty là người được ủy quyền công bố thông tin và là người phụ trách công bố thông tin theo yêu cầu của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

c) Tổng công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc diện công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một tổ chức hoặc một cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 Thông tư số 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cập nhật thông tin khi có sự thay đổi;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) để người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư là tổ chức thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

4. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC và các văn bản pháp luật hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- Website của Tổng công ty;
- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS Plus);
- Hệ thống công bố thông tin của SGDCK (CIMS);
- Website của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. Công bố thông tin trên website của Tổng công ty:

a) Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ website của Tổng công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có thay đổi;

b) Website của Tổng công ty phải có các nội dung về: ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định của thị trường chứng khoán;

c) Website của Tổng công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu đăng tải.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên website của Tổng công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tổng công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn... Tổng công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Tổng công ty.

c) Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc theo thời hạn được UBCKNN chấp thuận.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Nội dung báo cáo tài chính bán niên được lập và công bố tương tự quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b) Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính hoặc theo thời hạn được UBCKNN chấp thuận.

3. Báo cáo tài chính quý

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính quý theo nguyên tắc sau:

a) Nội dung báo cáo tài chính quý được lập và công bố tương tự quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b) Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc theo thời hạn được UBCKNN chấp thuận.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với Báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại Báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

e) Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

6. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Khi Tổng công ty chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 162/2015/TT-BTC, Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định 60/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan về chào bán chứng khoán.

b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK theo Mẫu số 05 Phụ lục Nghị định 60/2015/NĐ-CP và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin nội dung thay đổi trên website của Tổng công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

c) Tổng công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

7. Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn theo Mẫu 01_CBTT/SGDCK Quy chế 606.

Tổng công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho SGDCK. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tổng công ty;

2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

4. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

6. Quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), giải thể Tổng công ty; thay đổi tên, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; Ngoài việc công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, Tổng công ty thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBTT/SGDHN Quy chế 606 trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

10. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

11. Khi có sự thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

a) Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

b) Trường hợp Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

c) Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lẻ thông qua công ty chứng khoán, Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

Việc công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành nêu tại điểm a, b, c khoản này đồng thời phải thực hiện theo mẫu 07_CBTT/SGDHN Quy chế 606. Ngoài ra, Tổng công ty phải công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên website của Tổng công ty và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

12. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung; Tổng công ty thực hiện theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN Quy chế 606 và gửi kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung.

13. Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.

a) Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định/ nghị quyết, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC đồng thời thực hiện theo Mẫu 02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN Quy chế 606;

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin nêu trên, Tổng công ty gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Tổng công ty thực hiện báo cáo SGDC trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN Quy chế 606.

14. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

15. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Tổng công ty vi phạm pháp luật về thuế;

16. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Tổng công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

17. Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;



18. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty;

19. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

20. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Khi công bố thông tin theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 9. Công bố thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.

1. Khi lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, Tổng công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty công bố trên website của Tổng công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có);
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Tổng công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải để cổ đông có thể tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này cho đến khi tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Tài liệu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.

Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên website của Tổng công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc họp hoặc từ khi hoàn tất biên bản kiểm phiếu.

Điều 10. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

a) Ngoại trừ trường hợp công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 1 Điều 9 Quy chế này, Tổng công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

b) Trường hợp Tổng công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy định của SGDCK, Tổng công ty gửi thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác.

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu.

1. Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

S.Đ.
TỔ
CỔ
PHÁ
KHU C
HOA

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Thông tin về chào mua công khai

1. Trường hợp cổ phiếu của Tổng công ty là đối tượng chào mua công khai

a) Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Tổng công ty. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Tổng công ty công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên website của Tổng công ty và SGDCK.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT Tổng công ty phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Tổng công ty đối với đề nghị chào mua công khai;

Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

2. Trường hợp Tổng công ty thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty khác thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Chương 4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Chương VI Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Điều 14. Thông tin về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

Khi giao dịch cổ phiếu quỹ Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 155/2015/TT-BTC, Chương V Thông tư 162/2015/TT-BTC và các văn bản pháp luật về chứng khoán có liên quan, cụ thể:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu Phụ lục số 25 Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp Tổng công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Tổng công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp mua cổ phiếu quỹ, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

5. Trường hợp thay đổi việc mua, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin về quyết định thay đổi trên phương tiện

thông tin đại chúng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 26 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty thông báo về thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi cho UBCKNN theo mẫu Phụ lục số 27 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

7. Khi thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều này.

CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Tổng công ty, UBCKNN và SGDCK theo Phụ lục số 06 Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Tổng công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Tổng công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Phụ lục số 07 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% nêu tại khoản này được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo khoản 8 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành phát sinh do Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu trong khi nhà đầu tư không thực hiện giao dịch mua/ bán cổ phiếu hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu.

5. Tổng công ty công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các nhà đầu tư được quy định tại Điều này.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN,

NI
NGC
PE
TT
NGC
T.

SGDCK và Tổng công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...).

Mẫu công bố thông tin theo Phụ lục số 10 hoặc 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK;

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch trước thời hạn đăng ký hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

Báo cáo theo Phụ lục số 12 hoặc 13 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, nhà đầu tư đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ, nhà đầu tư đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Tổng công ty phải công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này.

CHƯƠNG IV. PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Phân công, phối hợp công bố thông tin định kỳ

1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính:

- Tháng 12 hàng năm, Ban Quản trị Tổng hợp trình Tổng giám đốc ký văn bản đề nghị UBCKNN gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính của năm tiếp theo.

- Trường hợp ngày phải công bố thông tin là ngày làm việc, Ban Kế toán phải hoàn tất và chuyển giao file Excel và bản cứng Báo cáo tài chính (kèm văn bản giải trình – nếu có) cho Ban Quản trị Tổng hợp trước 16 giờ 00 ngày trước ngày phải công bố thông tin. Trường hợp ngày phải công bố thông tin là ngày nghỉ, Ban Kế toán chủ trì, thống nhất với Ban Quản trị Tổng hợp đề xuất Tổng giám đốc kế hoạch chi tiết đảm bảo việc công bố thông tin đúng quy định.

2. Ban Quản trị Tổng hợp lập và công bố Báo cáo thường niên.

3. Ban Quản trị Tổng hợp phối hợp với các Ban liên quan chuẩn bị các báo cáo và công bố thông tin khi Tổng công ty chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng.

4. Ban Kế toán chuẩn bị báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để Ban Quản trị Tổng hợp công bố thông tin.

5. Ban Quản trị Tổng hợp lập Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn.

Điều 18. Phân công, phối hợp công bố thông tin bất thường 24 giờ và các trường hợp đặc biệt khác.

1. Thư ký HĐQT, các Ban và Văn phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động cung cấp thông tin cho Ban Quản trị Tổng hợp trước hoặc ngay khi phát sinh các sự kiện phải công bố thông tin bất thường quy định tại Điều 8 và Điều 11 Quy chế này.

2. Ban Quản trị Tổng hợp phối hợp với các Ban có liên quan để hoàn tất các biểu mẫu và công bố thông tin đúng quy định.

3. Thư ký HĐQT, các Trưởng Ban và Chánh Văn phòng phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc không cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Quản trị Tổng hợp để công bố thông tin theo quy định.

Điều 19. Ban Quản trị Tổng hợp chịu trách nhiệm xử lý và công bố các thông tin:

1. Về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;

2. Về hoạt động chào bán chứng khoán;

3. Về chào mua công khai;

4. Về giao dịch cổ phiếu quỹ.



Điều 20. Phân công, phối hợp công bố thông tin theo yêu cầu.

1. Khi nhận được yêu cầu công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, Văn thư của Tổng công ty phải báo cáo ngay cho Tổng giám đốc đồng thời chuyển giao 01 bản copy cho Ban Quản trị Tổng hợp.

2. Trưởng Ban Quản trị Tổng hợp chủ động xin ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc để xử lý thông tin.

3. Trưởng Ban Quản trị Tổng hợp xử lý các thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời thừa ủy quyền của Tổng giám đốc đề nghị các cá nhân, đơn vị có liên quan cung cấp, xử lý thông tin (về biểu mẫu, nội dung thông tin và thời hạn cung cấp) đảm bảo kịp thời công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

4. Các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không kịp thời.

Điều 21. Công bố thông tin Tổng công ty tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức thuộc diện phải công bố thông tin

1. Ban Quản trị Tổng hợp lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Ban Nhân sự lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ. Danh sách và thông tin này được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi và được chuyển giao kịp thời cho Ban Quản trị Tổng hợp để báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

3. Khi nhận được thông tin từ các cá nhân, tổ chức thuộc diện phải công bố thông tin nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Ban Quản trị Tổng hợp xử lý và công bố thông tin theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của người phụ trách công bố thông tin.

Người phụ trách công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về:

- Các thông tin phải được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố.
- Các thông tin công bố phải đúng với thông tin đã được người có thẩm quyền phê duyệt.
- Các thông tin công bố phải được đăng tải trên website của Tổng công ty, được gửi đến hệ thống thông tin của UBCKNN và SGDCK đúng hạn. Khi có trục trặc về đường truyền internet, người phụ trách công bố thông tin phải bằng mọi cách liên hệ với UBCKNN và SGDCK để được hỗ trợ và chuyển giao thông tin bằng các hình thức khác, không để xảy ra việc Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- Chủ động đề xuất với Tổng giám đốc các giải pháp để Tổng công ty đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ công bố thông tin.

CHƯƠNG V. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Tổng công ty có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến việc Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự hoặc làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Tổng công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành của Tổng công ty.


CHƯƠNG VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng giám đốc rà soát, tổng hợp, trình HĐQT xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật, của UBCKNN hoặc SGDCK có liên quan đến việc công bố thông tin của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật, của UBCKNN hoặc SGDCK khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc công bố thông tin của Tổng công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Thu Hằng